

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2019/HS-ST
Ngày: 23- 5- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Trương Thị N (tên gọi khác V), sinh năm 1987 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Hữu T, sinh năm 1955 và bà Võ Thị M, đã chết; có 04 chị em ruột, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1989; chồng tên Cao Văn B, sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 13/01/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/01/2019, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị U, sinh năm 2000; địa chỉ: xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- Người làm chứng: Trần Ngọc B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/01/2019 N đón xe khách từ Quảng Nam đến thị xã Dĩ An để tìm việc làm. Đến 11 giờ ngày 13/01/2019, N đi vào cửa hàng túi xách địa chỉ C30, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, do anh Trần Ngọc B làm chủ và có chị Trần Thị U đang mua túi xách, trong túi áo khoác chị U đang mặc

có để chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A3S màu đỏ ốp lưng màu vàng, N quan sát thấy chị U không để ý nên N dùng tay phải lấy chiếc điện thoại rồi đi ra khỏi cửa hàng. Khi N đi được khoảng 30m và đang tìm cách tắt nguồn điện thoại thì phát hiện phía sau ốp lưng của điện thoại di động có 4 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. Lúc này, chị U phát hiện mất điện thoại nên truy hô thì được anh B đuổi theo bắt giữ N giao cho Công an phường An Bình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu đỏ, ốp lưng màu vàng; 04 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000 đồng;

Theo kết luận định giá tài sản số 20/BB.ĐG ngày 21/01/2019 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An kết luận như sau: Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu đỏ, ốp lưng màu vàng trị giá là 2.500.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 130/CT-KSĐT-DA ngày 10 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Thị N về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị U đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên về trách nhiệm dân sự Viện kiểm sát không đặt ra.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 11 giờ, ngày 13/01/2019 tại cửa hàng túi xách của anh Trần Ngọc B, địa chỉ số C30, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, Trương Thị N có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị U 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu đỏ, ốp lưng màu vàng; 04 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt xong bị cáo đi ra khỏi cửa

hàng khoảng 30m thì chị U phát hiện truy hô và được anh B đuổi theo bắt giữ được N cùng vật chứng. Tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá trị giá 2.500.000 đồng và 800.000 đồng tiền mặt đã thu hồi trả lại cho người bị hại chị Trần Thị U.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm: ...”.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá 3.300.000 đồng đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 130/CT-KSĐT-DA ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Trương Thị Nh là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá không lớn, đã thu hồi trả lại cho người bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo được hưởng án treo là có cơ sở.

[6] Về nhân thân: Bị cáo không nghề nghiệp, có nhân thân xấu, ngày 18/6/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng về Tội trộm cắp tài sản.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu đỏ, ốp lưng màu vàng; 04 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000 đồng đã thu hồi trả lại cho người bị hại chị Trần Thị U. Chị U không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[8] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt

đối với bị cáo là phù hợp tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, Hội xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Thị N 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 23/5/2019).

Giao bị cáo Trương Thị N cho UBND xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trương Thị N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi Hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- UBND xã Tam Xuân 2, Núi Thành (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

Đặng Ngọc Quân